

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 20-12-2021

“V/v tranh chấp ly hôn, chia tài
sản chung và đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân.

2. Bà Đinh Thị Ngọc Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2021/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung và đòi tài sản”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2021/HNGĐ-ST ngày 01-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trịnh Hoài A, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số 688/93/51 Tân Kỳ Tân Quý, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị Kim B, sinh năm 2000

Địa chỉ: Số 22 ấp Hoà Hiệp, xã N, huyện M, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị C, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 22 ấp Hoà Hiệp, xã N, huyện M, tỉnh Long An.

2. Ông Trịnh Đức D, sinh năm 1972.

3. Bà Trần Thị Tuyết E, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Số 72A đường Lê Minh Nhựt, Tổ 5, ấp Chánh, xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bà Trần Thị Kim B và bà Trần Thị C.

(Bà B, bà C có tại phiên tòa, các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2021 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện:

- *Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Hoài A:* Yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Kim B. Về con chung: không có. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

- *Ý kiến, yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị Kim B:* Đồng ý ly hôn với ông Trịnh Hoài A. Về con chung: không có. Về nợ chung: không có.

Bà Trần Thị Kim B có đơn phản tố như sau:

+ Về tài sản chung: Yêu cầu chia tài sản chung là vàng cưới gồm 04 chỉ vàng 24kara và 11 chỉ vàng 18kara, yêu cầu được hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản chung, buộc ông Trịnh Hoài A, ông Trịnh Đức D và bà Trần Thị Tuyết E giao lại 02 chỉ vàng 24kara và 5,5 chỉ vàng 18kara.

+ Yêu cầu đòi lại tài sản: yêu cầu ông Trịnh Hoài A, ông Trịnh Đức D và bà Trần Thị Tuyết E trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11 trị giá 5.000.000 đồng và số tiền 28.800.000 đồng.

- *Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Đức D và bà Trần Thị Tuyết E:* Thống nhất toàn bộ ý kiến, yêu cầu của ông Trịnh Hoài A, không đồng ý theo yêu cầu phản tố của bà Trần Thị Kim B.

- *Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C:* Thống nhất toàn bộ ý kiến, yêu cầu của bà Trần Thị Kim B, không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- *Tình tiết vụ án:*

+ Tình tiết thống nhất: Ông A và bà B thống nhất trình bày hai bên tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 30-7-2020. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc, hai bên đã ly thân từ ngày 01-02-2021 cho đến hiện tại. Ông A yêu cầu ly hôn, bà B đồng ý. Về con chung và nợ chung: Ông A và bà B thống nhất trình bày không có.

+ Tình tiết không thống nhất:

Đối với tài sản chung: Bà B yêu cầu chia tài sản chung là vàng cưới gồm 04 chỉ vàng 24kara (gồm 01 chiếc còng, 01 chiếc vòng tay) và 11 chỉ vàng 18kara (gồm 01 sợi dây chuyền 2,5 chỉ, 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ, 01 đôi bông tai 0,5 chỉ và 07 chỉ vàng nhẫn), hiện nay do gia đình ông A đang quản lý vì lý do tối ngày 30-01-2021 khi hai bên phát sinh mâu thuẫn thì gia đình ông A đã lấy lại toàn bộ vàng cưới. Ông A, ông D và bà E thống nhất ông A và bà B có tài sản chung là vàng cưới gồm 04 chỉ vàng 24kara và 11 chỉ vàng 18kara, tuy nhiên vàng cưới do

bà B quản lý từ khi kết hôn đến hiện tại, gia đình ông A không có lấy lại vàng cưới.

Đối với yêu cầu đòi lại tài sản: Bà B yêu cầu ông A, ông D và bà E trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11 trị giá 5.000.000 đồng vì lý do tối ngày 30-01-2021 khi hai bên phát sinh mâu thuẫn thì gia đình ông A đã lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11 của bà B. Ông A, ông D và bà E thống nhất bà B có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11 trị giá 5.000.000 đồng do ông D tặng trước khi kết hôn, tuy nhiên điện thoại di động là tài sản cá nhân do bà B tự quản lý sử dụng, gia đình ông A không có lấy tài sản của bà B.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2021/HNGĐ-ST ngày 01-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện M đã căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 và 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 158, 164 và 166 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Hoài A đối với bà Trần Thị Kim B.

Về hôn nhân: Cho ông Trịnh Hoài A ly hôn bà Trần Thị Kim B.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Trần Thị Kim B đối với ông Trịnh Hoài A, ông Trịnh Đức D và bà Trần Thị Tuyết E, về việc yêu cầu chia tài sản chung gồm 04 (bốn) chỉ vàng 24kara và 11 (mười một) chỉ vàng 18kara, yêu cầu đòi lại tài sản là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11 trị giá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

3. Về án phí:

Ông Trịnh Hoài A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000240 ngày 07 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Long An.

Bà Trần Thị Kim B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.580.000 đồng (một triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000251 ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Long An. Hoàn trả cho bà Trần Thị Kim B số tiền 1.280.000 đồng (một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

- Ngày 09/6/2021, bà Trần Thị Kim B và bà Trần Thị C kháng cáo một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo và các đương sự tranh luận như sau:

- Bà Trần Thị Kim B tranh luận: Khi về làm dâu bên nhà chồng thì bà ở suốt trong nhà không vì chồng và gia đình bên chồng không cho đi ra ngoài. Lúc xảy ra mâu thuẫn gia đình bên chồng trấn áp lấy lại toàn bộ tài sản và khi đó không có ai chứng kiến. Đến khi mẹ ruột bà lên để đưa bà về thì gia đình bên chồng giữ lại, không cho về làm cho tâm trí bà chỉ muốn thoát khỏi gia đình chồng nên không nghĩ đến số tài sản mà gia đình chồng lấy lại.

- Bà Trần Thị C tranh luận: Đề nghị Tòa án xem xét cho công bằng để bà lấy lại số tiền 28.800.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo: Ông Trịnh Hoài A và chị Trần Thị Kim B thống nhất có tài sản chung gồm 04 chỉ vàng 24kara và 11 chỉ vàng 18kara. Ông Trịnh Đức D, bà Trần Thị Tuyết E là cha mẹ của ông A cũng thừa nhận có tặng cho chị Mỹ 01 điện thoại SamSung và nhận số tiền 28.800.000 đồng do bà C đưa là do hai bên tự nguyện thỏa thuận hoàn trả. Ông A, ông D, bà E đều cho rằng toàn bộ vàng và điện thoại đều do bà B quản lý và sử dụng. Do đó, bà B trình bày khi hai bên phát sinh tranh chấp, gia đình ông A đã lấy lại số vàng cưới, quà cưới. Tuy nhiên, theo biên bản ngày 01/02/2021 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh đơn trình báo của bà Trần Thị C không thể hiện tranh chấp về vàng và điện thoại nêu trên. Đồng thời, bà B không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ xác định ông A, ông D, bà E đã lấy lại số vàng và điện thoại. Bà B kháng cáo đề nghị buộc ông D, bà E, ông A liên đới trả bà 02 chỉ vàng 24kara; 5,5 chỉ vàng 18kara và 01 điện thoại Samsung giá trị 5.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Đối với kháng cáo của bà Trần Thị C yêu cầu buộc ông Trịnh Đức D, bà Trần Thị Tuyết E, ông Trịnh Hoài A liên đới trả 28.800.000 đồng: Tòa án cấp sơ thẩm chưa thụ lý giải quyết yêu cầu tranh chấp về số tiền này, để đảm bảo 2 cấp Tòa án xét xử đương sự có quyền khởi kiện giải quyết trong vụ án khác. Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C. Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Kim B và bà Trần Thị C; giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Trần Thị Kim B và bà Trần Thị C kháng cáo hợp lệ và thực hiện đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Theo xác nhận ngày 07/5/2021 của Công an xã Bình Hòa Tây, huyện M thì bị đơn bà Trần Thị Kim B có hộ khẩu thường trú tại huyện M, tỉnh Long An nên căn cứ vào Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa ông Trịnh Hoài A và bà Trần Thị Kim B là đúng quy định về thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2020 ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Trịnh Hoài A và bà Trần Thị Kim B là vợ chồng hợp pháp.

[2.2] Về tài sản chung: Các bên đều thừa nhận ông Trịnh Hoài A và bà Trần Thị Kim B có tài sản chung gồm 04 chỉ vàng 24kara; 11 chỉ vàng 18kara và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11 trị giá 5.000.000 đồng. Đồng thời, bà B cũng thừa nhận rằng trước khi xảy ra mâu thuẫn, bà B là người giữ số tài sản trên. Do đó, các tình tiết này không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.3] Bà Trần Thị Kim B cho rằng khi mâu thuẫn xảy ra, ông Trịnh Hoài A, ông Trịnh Đức D và bà Trần Thị Tuyết E đã lấy toàn bộ số tài sản trên nhưng không có bất kỳ tài liệu nào chứng minh trong khi ông A, ông D, bà E không thừa nhận. Bên cạnh đó, tại phiên tòa phúc thẩm, bà B cũng thừa nhận không có chứng cứ nào khác chứng minh việc gia đình ông A giữ toàn bộ số vàng và điện thoại di động nêu trên.

[2.4] Bà Trần Thị Kim B và bà Trần Thị C đều thừa nhận số tiền 28.800.000 đồng là thuộc quyền sở hữu của bà C nhưng bà C không thực hiện thủ tục khởi kiện theo quy định nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Từ đó thấy rằng kháng cáo của bà Trần Thị Kim B và bà Trần Thị C không có cơ sở chấp nhận; lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị Kim B và bà Trần Thị C phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 308, Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Kim B và bà Trần Thị C.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2021/HNGĐ-ST ngày 01-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện M đã căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 51, 56 và 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 158, 164 và 166 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Hoài A đối với bà Trần Thị Kim B.

Về hôn nhân: Cho ông Trịnh Hoài A ly hôn bà Trần Thị Kim B.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Trần Thị Kim B đối với ông Trịnh Hoài A, ông Trịnh Đức D và bà Trần Thị Tuyết E, về việc yêu cầu chia tài sản chung gồm 04 (bốn) chỉ vàng 24kara và 11 (mười một) chỉ vàng 18kara, yêu cầu đòi lại tài sản là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11 trị giá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

3. Về án phí:

Ông Trịnh Hoài A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000240 ngày 07 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Long An.

Bà Trần Thị Kim B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.580.000 đồng (một triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000251 ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Long An. Hoàn trả cho bà Trần Thị Kim B số tiền 1.280.000 đồng (một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

[3] Án phí phúc thẩm: Buộc bà Trần Thị Kim B và bà Trần Thị C mỗi người phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng mà bà B, bà C đã tạm nộp theo biên lai thu số 0000270, số 0000269 cùng ngày 09/6/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M, tỉnh Long An.

[4] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh